

Khoảng giữa thập niên 1990, Luden có viết *Ánh sáng Chín đảng* và *Ánh sáng Mười* công bố máy đầu tiên

Lưu Phong Ba bài viết về Chủ nghĩa xã hội mácxít

Bài 1: Phân ánh luận mácxít-lêninít

[Bài 2: Vấn đề Lao động trong học thuyết Mác](#)

[Bài 3: Chủ nghĩa xã hội mácxít & chủ nghĩa xã hội hiện thực](#)

Bài 1

Phân ánh luận mácxít-lêninít

Hai xu hướng triết học

Theo nhà lý luận mácxít xô viết (trên đây) thì phân ánh luận duy vật biện chứng, dưới hình thức hiện nay, đã là nhà nguyên lý "khoa học" để hình thành một học thuyết nhà luận điếm nhứt quán, đặt dưới cái tên chung là *phân ánh luận mácxít-lêninnít*

: phần ánh luồn này, xét về nguồn gốc, là do
Mác và Angghen

đưa ra, nhưng sau đó đã được Lênin phát triển làm
cho hoàn chỉnh hơn

[1]

. Về vai trò của Lênin trong vấn đề này, chắc chắn
là chúng ta sẽ phải nói tới, nhưng để về những
nguồn nghiên cứu về nghĩa Mác và những di sản
lưu giữ thì việc đề cập tới Mác và Angghen ở đây là
không thoạt đáng: tuy nhiên trí tuệ của nhau trong mối kết
luồn liên quan đến cách mạng vô sản cùng những
chiến lược và chiến thuật để thực hiện cuộc cách
mạng này, nhưng

xét về mặt triết học

, Mác và Angghen liệu có những quan điểm không
giống nhau – và dĩ nhiên đó đã biểu hiện không đâu rõ
bằng ở cách hai ông giải quyết vấn đề mà Angghen
giải là vấn đề của bản luận của triết học, tức là vấn đề
mối quan hệ giữa ý thức và tồn tại, giữa tinh thần và
vật chất

[2]

.

2. Theo sự thà nhậ n củ a Angghen thì tuy đã góp phậ n xây dậ ng nên chủ nghĩa Mác, ông vậ n nghĩ rậ ng phậ n đóng góp ậ y củ a ông là rậ t giậ i hậ n: nậ u có thì chủ trong vài lĩnh vậ c mà ông gậ i là "chuyên môn", còn đậ i bậ phậ n nhậ ng tậ tậ ng chủ đậ o củ bậ n, nhậ t là trong lĩnh vậ c kinh tậ và lậ ch sậ đậ u là công lao củ a Mác [3]. Đậ c kậ nhậ ng tác phậ m kinh đậ n mácxít, chúng ta thậ y rậ t rõ ý nghĩa củ a nhậ ng chủ đậ n ậ y. Trong nhậ ng bàn luậ n có liên quan đậ n phậ n ánh luậ n, chúng ta thậ y có nhậ ng tác phậ m Angghen viậ t chung vậ i Mác – nhậ *Gia đình thậ n thánh*

(1845),

Hậ tậ tậ ng Đậ c

(1846) – và nhậ ng củ n ông viậ t riêng – nhậ

Bậ n chủ ng củ a tậ nhiên

(1876),

Chủ ng Duhring

(1878)

[4]

,

Sậ phát triậ n củ a chủ nghĩa xã hậ i tậ không tậ ng đậ n khoa hậ c

(1880),

Ludwig Feuerbach và

sách cáo chung của triết học cũ đời NĐC

(1886). Nếu đúng như tác phẩm ông viết chung với

Mác rồi so sánh với những tác phẩm của bản thân

Mác liên quan đến vấn đề đang nói tới – như

Luận cương về Feuerbach

(khoảng 1844-1847),

Sách khôn cùng của triết học

(1847),

Ngày mới tám tháng mùa

(1852),

Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị

(1857),

Tư bản

(Tập I, 1867) – chúng ta thấy các lập luận nhìn trên

thế giới là như quán, phản ánh sự thế giới như vật

đúng trong triết học của Mác, nếu Ăngghen có

góp gì vào thì chỉ là phần. Trong khi đó thì nếu đúng

như tác phẩm của riêng Ăngghen, chúng ta thấy

cách lập luận ở đây đã đi theo một thế lộ gích đúng

lập luận như ra. Căn cứ vào sự phê bình nói tới,

đi sâu vào tác phẩm, rất nhiều nhà nghiên cứu đã

có dự đoán lý do để nhìn thấy ngay thế giới nguần của

chỉ nghĩa Mác hai xu hướng triết học khác nhau mà

sự khác biệt khác nhau ở đây chính là lý luận về phản

ánh

[5]

“Nhấn mạnh luận” của Mác

1. Hãy nói trực tiếp hết đến đi thẳng của chủ thể nhấn mạnh. Đối với Mác đi thẳng ý không phải là cái thế giới tự nhiên ngoài con người, thế giới như một thực thể thân thể của có sự tham dự của con người, có trực tiếp lịch sử con người. Cái thế giới ý không phải là không tồn tại và cái "vật trí tuệ như" của nó so với con người là không thể phân biệt như vậy chỉ để phân tích đến cùng sự khác nhau giữa con người và tự nhiên thôi

[7]

. Mác không hề phớt nhợt đi u đó nhẽng
vũn đở ở đây lờ i đở ở c đở t ra theo mọt chiế u
hở ở ng hoàn toàn khác: khi chở thở tiở p xúc
vở i cái ở ngoài nó thì cái thở giở i khách
quan ở y lờ i không phở i cái gì khác hở n là
"tở ng sở nhở ng hoở t đở ng sở ng và cở m giác
đở ở c cở a nhở ng cá nhân hở p thành thở giở i
ở y"

[\[8\]](#)

, và đi u đó có nghĩa là cái thở giở i đó
không phở i là mọt thở c tở i lờ nh lũng, khách
quan mà chính là môi trở ở ng gở n liở n vở i
con ngở ở i nhở mọt thở "thân thở vô cở "

[\[9\]](#)

, ở đó cở m giác không phở i chở là sở nhở n
thở c cở a tở duy mà còn là

cái sở ng thở c

bao gở m tở t cở nhở ng gì tở o nên con ngở ở i,
tở cở m tính khở i đở u cở a tri giác, sở ham
muở n, đở n ý chí thúc đở y hành đở ng nở a.
Nói cách khác đó là cái thở giở i đã đở ở c

nhân hoá trong suốt quá trình phát triển của loài người. Đó là cái th< gi< i đã trở thành *văn hoá*

, là

cái hành tinh xanh

này mà sự chinh phục của con người đã làm mất dần tính tự nhiên, hoang dã, nếu còn mất chỗ nào như vậy thì họ họ n chỗ là máy hàn đ< o san hô mới hình thành ở châu Úc mà thôi

[\[10\]](#)

. Đ< i t<< ng của ý thức của con người chính là th< gi< i của con người.

2. Mác đã gọi mối quan hệ giữa ý thức và cái khách thể nói trên là mối quan hệ giữa *ý thức xã hội*

và

t< n t< i xã hội.

Không thể hiểu rõ thêm ý nghĩa của mối

quan hệ này nếu chúng ta không nhìn
tiến đến quan trọng sau đây của ông:

*“ Ý thức không bao giờ có thể là cái gì khác
hơn là tiến tiến ý thức và tiến tiến của con
người là quá trình tiến sự nghiệp hiện thực của
con người ” [\[11\]](#)*

Ý nghĩa trọng tâm nhất của khái niệm trên đây
là hiện thực của con người làm ra cũng tức
ý nghĩa là hiện thực mang tính xã hội, là kết quả
của một quá trình phát triển lâu dài của xã
hội loài người với tư cách là một cộng đồng,
cái hiện thực quy định con người ý thức, làm
ra một cách có ý thức, vì thế ý thức và hiện
thực cũng gắn liền với hành động cải tạo
thế giới và giao tiếp với nhau của xã hội loài
người. Mọi quan hệ giữa ý thức và hiện thực

nhảy vảy là mối quan hệ thống nhất về cấu trúc, không thể tách rời ra thành hai phần riêng biệt được. *Ý thức của con người không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là tồn tại được ý thức –* chúng ta đừng quên đi đâu đó

Nhưng tại sao tồn tại xã hội lại quy định

ý thức xã hội chứ không phải là ngược lại như Mác đã khẳng định như tiếp [12]

? Điều này không có gì khó hiểu khi chúng ta biết rằng đời sống của Mác hiện thực nhất của con người chính là hành động thực tiễn

của con người, và chỉ có trong khi hành động của người bị nhận thức thì ý thức mới là ý thức xã hội, mới biểu hiện được mình như là ý thức xã hội. Ý thức trong học thuyết của Mác vì vậy không phải là một thực

ý thức nói chung

hàng ng v m t th t n t i nói chung, cũng không phải là ý thức của m t cá nhân riêng lẻ t th y đ y đ v i nh ng

c m nh n tr c t i p

v ngo i gi i ho c ch là

nh ng ph m trù

, nh ng cái khuôn có s n sau đó gò n n các hi n t ng c a hi n th c theo hình nh c a chúng: bao gi nó cũng g n li n v i m t th c t i l ch s nào đó trong quá trình phát triển c a con ng i đ mang nh ng n i dung c th (ý thức đàn b y th i thái c , ý thức h o trong xã h i t s n...), vì th đ hi u đ c th c ch t c a ý thức, Mác cho rằng ng i ta không th đ ng l i b n thân nó, ho c gi i thích nó b ng m t th ý thức khác mà trái l i phải đem tr nó tr v v i cái hi n th c đã mang ý nghĩa cho nó.

3. Triết học của Mác không xem trọng vai trò của ý thức hoặc cho ý thức một hoạt động gọi là "tư duy độc lập" để vì thế nên ta không quan niệm. Luận điểm nên quy về ý thức của Mác chỉ có ý nghĩa để cao để tính chân thực của ý thức, bắt buộc ý thức phải gắn chặt với thế giới xã hội, biểu hiện cho một tính khách quan của thế giới xã hội. Nhưng để cao để tính chân thực của ý thức này Mác cho rằng thế giới có lịch sử đến nay, loài người chưa hề có được, vì lẽ đó nên hình thái kinh tế xã hội đã xuất hiện trong lịch sử thế giới đến nay đều chỉ là những "cộng đồng hời hợt" [13], những cộng đồng chỉ là bao giờ có được sự nhận thức đúng đắn về bản thân: thế giới đều tồn tại trong *mù quáng* *những những thực tế tự nhiên* bởi vì những sự kiện mà con người làm ra đã biến thành *những thực thể vật*

thông tin về những con người như những người thực tiễn
 huyền bí, xa lạ, tập trung rõ rệt trong chính
 đời sống về cái ý thức huyền bí của nó.
 Trong chính đời sống này, con người đã bỏ các điều kiện
 sinh sống làm cho trở thành những cá nhân biệt lập về
 nhau, cạnh tranh chí chết đời sống, còn nếu có quan hệ về
 nhau thì chỉ thông qua cái đời sống trao đổi các hàng
 hoá mà họ làm ra, một thế đời sống vô nghĩa, vô danh,
 phi nhân tính: xã hội tư sản, trong số mô tả của Mác về thế là một
 thế giới xã hội đã bị vật hoá, thoát khỏi sự kiểm soát
 của ý thức, nó có tác động trở lại những trung gian
 một đời sống che giấu mối quan hệ trực tiếp giữa
 người và những sản phẩm mình làm ra, giữa người và người,
 giữa xã hội và thiên nhiên. Ý thức trong xã hội
 bị yếm tụt yếu không phản ánh chân thực thế giới
 khách quan, trái lại đã phồng lên đó một màn sương
 huyền bí, có tác động lừa dối con người. Đó chính là tình
 trạng ý thức bị

tách rời hiện thực để bay lên vòm hư ảo của
ảo tưởng – trên đám mây ý thức
tưởng tượng đã có đủ khả năng và quy định
mọi niềm đam mê thích thú của bí mật
của thần thoại và "câu chuyện" được thần thoại
những sai lầm mê muội của nó.

4. Các giai cấp của tạo nên xã hội sản, bóc lột sản làm cho phân rã thành những
bộ phận xa lạ với nhau đã không thể nào
nhìn ra được cái nguyên nhân sâu xa quy định
đến sự phân chia mình: tất cả đều ngưng đọng
trong cái hiện thực của các bộ phận thân và
tổn thương hãm trong đó, tưởng tượng mọi việc
đều là "tự nhiên". Đối với giai cấp sản thì
đó là cái ảo tưởng về sự bất biến của chế độ
tổn thương được bao bọc bởi những khái niệm
phân biệt như "nhân quyền", "dân chủ",
"phát triển": giai cấp sản giống như những

chiêu bài này lên khi đi u đi t gi i phóng
nh ng sau đó là đi l a đi i các giai c p b
nó áp b c; trong khi đó nó l i không h bi t
r ng trên th c t khách quan ch đi t b n
v n ch là s n ph m t m th i c a l ch s .
Đ i v i nh ng giai c p khác thì tình hình
cũng không có gì sáng s a h n. Giai c p
ti u t s n, do đi a v đi ng gi a hai giai c p
t s n và vô s n, cho nên trong ý th c đã
n y sinh ra con đi ng "dung hoà", mu n
làm nh đi m i đi i kháng th c t gi a hai
giai c p y [\[14\]](#). Đ i v i giai c p ti u nông
thì s t h i còn nhi u h n. Bám vào m nh
đ t c n con đi sinh s ng m t cách cô l p
và riêng l , không có đi u ki n t p h p
thành t ch c đi b o v quy n l i, giai c p
ti u nông đã ph i nh đi n ng i khác làm
đ i bi u cho nó, mà k l thay, ng i đó l i
không ph i ai khác h n chính là ông ch
c a nó, k c cái ông nhà n c trong tay
n m đi c quy n l c vô h n đã mang l i cho

nó cũng như mà a thuở n giờ hoà

[

[15\]](#)

. Còn giai cấp vô sản thì thế nào? Theo sự trình bày của Mác thì giai cấp này, khi còn sống trong tình trạng

đang phát

, cũng có lúc không thoát khỏi cái xiềng xích tinh thần mà xã hội thế kỷ đã tròng lên ý thức của nó: nó không chìm đắm trong sự mê t nhân tính hoàn toàn thì những hành động tích cực có thể có của nó, cao nhất, cũng không thể vượt khỏi những "mưu toan gì đi phóng mình ở đằng sau lưng xã hội"

[\[16\]](#)

, thế là cái biện pháp mà sau này Lênin đã gọi là đặc trưng của giai cấp công nhân "quý tộc" bần bần thì bần mua chuộc.

5. Ý nghĩa "những thực luận" trong triết học Mác ở đây thế kỷ đã khá rõ ràng: không có biện pháp xã hội nào thế kỷ trước đây nay trong lịch sử đã phạm ảnh hưởng thực trên

một ý thức đả phá bản chất cái xã hội mình đang sống – tất cả đều sai lầm, huyênh hoang, nghĩa là tất cả đều chỉ là những huyễn ma, dốt dỏ, không có xương thịt, không có thực chất, tất cả đều chỉ là ảo tưởng. Ở đây chúng có gì gì đả phá là phản ánh *gần đúng* để có thể bổ sung cho

đúng hơn

, vì tất cả đều bám đóng đinh vào một thứ tư i lầm mang tính uyên nguyên nào đó, giống như một số sa đoạ vô phương cứu chữa nếu không làm

cách mạng

lật đổ mọi cái hiện tại. Những ai quen thuộc với triết học của Mác đều biết tình trạng tiêu cực cách mạng đó đã được Mác gọi là

sự tha hoá

, theo nghĩa được người triết học của Hegel: không phải Tinh thần bị tha hoá thành cái khác nó (hiện thực, vật chất) mà chính là

bản tính hiện thực của con người

– là lao động có ý thức và có mục đích

[\[17\]](#)

– bản biến thành cái xa lạ với con người, thế giới trở lại con người như một vật thể quái, kỳ bí: lao động trở thành lao động hàng hoá do con người làm ra để phục vụ những nhu cầu sống thì lại biến thành một thế giới tự nhiên qua đó con người dần hết linh hồn để quy phục nó. Nhân tính trở thành phi nhân tính, sáng tạo đã trở thành nô lệ, ý thức đã trở thành vô ý thức. Sự phân hoá xã hội thành những giai cấp cũng chỉ là kết quả của sự phát triển của lịch sử theo chiều hướng tha hoá đó, và nguyên nhân cuối cùng của tình trạng này, theo Mác, không có gì khác hơn là trình độ phát triển của sự sống còn giữa họ và loài người, sự phát triển này, tuy đã có những tiến bộ, những chồi non ra đời cho thế giới mới thì sự cách mạng để xoá bỏ những đê mê chỉ

trung gian của nó trở nên tích cực thì phải giải quyết
con người và cái thế giới do họ làm ra. Tuy
vậy, lý luận của Mác không chỉ dừng lại
chỉ đó; ông cho rằng lịch sử đã đến lúc tìm
tìm ra cho nó giải pháp tích cực rồi – chỉ
nghĩa thì bản đã tỏ ra mặt của sự vật chất
phát triển theo một hướng, và tiến trình
nó là giai cấp vô sản thay thế giai cấp
sản xuất lý:

sự phát triển phân biệt

sự gặp gỡ các cái

ý thức phân biệt

tiến trình và do đó mà lịch sử tiến triển đi
sẽ xóa bỏ những nhúng bừa làm con
người xa lạ với nhau để con người phục hồi
lời dạy của bản chất lao động có ý thức của
mình : chỉ có trong đời sống thì ý thức
mới trở nên trong sáng để phản ánh đúng
trung thực cái tồn tại mà nó tỏ ra.

6. Thực chất của cuộc cách mạng của Mác chính là cuộc cách mạng ý thức [\[18\]](#) mà cuộc vận động hiện nay của nó là đưa hoàn toàn vào giai thuyết sau đây của ông: thời kỳ hiện đại đang tỏ ra như *tiềm thức*

đồng cuộc cách mạng ý thức thành hiện thực. Ý thức của người sản xuất, hiện thân trong giai cấp vô sản mà Mác trông đợi cũng chính là biểu hiện cho cái *tiềm thức*

sống sinh thành ý. Chúng ta đừng bị thất vọng trước thách thức của Mác đối với hiện thực thì thật là gọt gao: người sản xuất không giãy giụa một cách hiện thực, người giai cấp vô sản thì nó không sống sinh ra để cho cái *ý thức của người sản xuất nghĩa*

một cách hiện thực, thì như những tiềm thức trên đây mãi mãi sống bên triền hiện một cách vô hạn định : cuộc cách mạng của Mác mãi mãi vận là cuộc cách mạng để nhận vận ý thức,

chúng có gì để phân biệt với những cuộc cách mạng đến từ những ý thức khác mà Mác đã phê phán.

Ăngghen đã phát triển Mác như thế nào?

1. So những luận điểm nói trên của Mác với những gì mà Ăngghen đã trình bày riêng, hoặc phát triển về sau, chúng ta thấy Ăngghen đã mở rộng để tiếp cận của những thực ra toàn bộ vũ trụ, trọng tâm là tìm sự giải đáp cho những câu hỏi vũ trụ rồi sau đó mới tiến vào lĩnh vực con người: đi sâu này giải thích theo nguyên lý nhất nguyên duy vật rằng tất cả mọi hiện tượng trong thế giới, dù thuộc tinh thần, lịch sử hay vật chất đều xuất phát từ những vật chất mà ra –

chúng đang nhốt vùi nhau vào *thực chất*,
những chỗ khác nhau và

biểu hiện

thôi

[\[19\]](#)

. Mọi lập luận có liên hệ đến phần ánh luận
vì thực tiễn xuất phát từ những tiên
khởi sau đây: vật chất là cái có trỗi c tính
thần, tinh thần chỉ có thể là sản phẩm của
bức xạ của con người và nó là kết quả của quá
trình phát triển của vật chất, vì thế có thể
nói tinh thần chỉ là

chức năng của bức xạ

. Chính vì có cùng một nguồn gốc như vậy,
cho nên tinh thần mọi có thể lĩnh hội được
những vấn đề của vật chất không những
ở các hiện tượng mà còn có thể đi sâu vào
bản chất và quy luật của nó. Angghen đã căn
cứ vào các lập luận đó để phần bác bỏ
thuyết hắc mà ông gọi là "bất khả tri" (tiêu
biểu là thuyết hắc của Kant) gọi đến có một

thực thể mà nh danh là "vật thể nó" mà con người không thể biết được bằng con đường thực nghiệm, vì theo Angghen để vì chỉ nghĩa duy vật thì chỉ có những cái chỉ a biết chỉ không thể có những cái không thể biết được

[\[20\]](#)

. Những lý lẽ chỉ những chỉ nghĩa "bất khả tri" này có mục đích chỉ để để lại mọi ý để những đường cho các phương thức những thực thể mà Angghen cho là thần bí, siêu hình, tôn giáo: dù những cái chỉ a biết là vô sản và có lẽ mãi mãi con người sẽ không bao giờ biết hết được, những điều đó chỉ là do giới hạn thực thể của con người, không thể vì đó mà phủ nhận về nguyên tắc cái năng lực những thực thể vô cùng thần của nó để vì chỉ thể giới.

2. Căn cứ vào tiến bộ vũ trụ luận trên đây, phần ánh luận trong triết học của Angghen

đã đ̣o ng̣̣ c̣ ḷ i bị n cḥ ng pháp c̣ a Hegel theo cách không gị ng hoàn toàn ṿ i Mác: trong khi Mác đ̣o ng̣̣ c̣ cái Tinh tḥ n tuỵ t đ̣ i c̣ a Hegel thành *tḥ c tị n lao đ̣ ng* coi đó là đị m xụ t phát c̣ a trị t ḥ c thì Angghen ḷ i dành cho tḥ c tị n lao đ̣ ng ṃ t ý nghĩa khác và thay vào đó cái mà ông g̣ i là ṿ t cḥ t. Ông vị t :

"Hegel, ṣ phát trị n bị n cḥ ng bị u hị n trong gị i ṭ nhiên và trong ḷ ch ṣ – ṭ c là ṃ i liên ḥ nhân qụ c̣ a ṣ ṿ n đ̣ ng tị n lên ṭ tḥ p đ̣ n cao thông qua ṭ t c̣ nḥ ng ṣ ṿ n đ̣ ng cḥ chi và nḥ ng bụ c tḥ t ḷ i ṭ m tḥ i – cḥ là ṣ sao chép ḷ i ṣ ṭ ṿ n đ̣ ng đị n ra ṿ nh vị n, không bị ṭ đ̣ u, nḥ ng dù sao cũng đ̣ c ḷ p ṿ i ḅ óc đang ṭ duy c̣ a con ng̣̣ i. Ṣ xuyên ṭ c có tính cḥ t ṭ ṭ ng ḥ y là cái c̣ n pḥ i g̣ t ḅ .

Chúng tôi l i xem xét m t l n n a m t cách duy v t r ng nh ng ý ni m trong đ u óc c a chúng ta, coi đ o là nh ng ph n ánh c a s v t hi n th c, ch  không xem xét nh ng s v t hi n th c, coi đ o là nh ng ph n ánh c a giai đ o n y hay giai đ o n  khác c a ý ni m tuy t đ i" [\[21\]](#).

V t ch t là cái tuy t đ i, là kh i đ u mà cũng là s  s ng c a m i hi n t n cho n n nó chính là đ ng l c c a t t c ; cái bi n ch ng c a tinh th n, đ  c Hegel coi là thiêng li ng t t b c ch ng qua cũng ch  là s  ph n ánh c a cái *bi n ch ng khách quan* đ  chi ph i toàn b  th  gi i t  nhiên

thôi

[\[22\]](#)

. Theo quan điểm của Angghen thì đây là hoàn toàn logic quan trọng khả năng nhận thức của con người đi về bên cạnh của hiện thực, không khác gì với Hegel, chỉ có đi lên trên danh nghĩa mặt bên gọi là duy vật, còn bên kia thì gọi là duy tâm, sự trái ngược nhau của hai quan điểm này chỉ là sự trái ngược về cách gọi thích *cuối cùng* đi về vũ trụ.

3. Phản ánh luận "mácxít" theo quan niệm của Angghen trên đây không hoàn toàn nằm trong mạch duy vật

cái mà ta có thể gọi là *chỉ nghĩa Mác*
cả Mác . Nếu
đi về Mác, thì duy chỉ từng người người
hiện thực xã hội một cách chân thực
khi lao động cả con người gọi là phóng
đăng khi bản thân người đi u kiển
thả hoá thì ở Angghen thì duy chỉ là
người

hình ảnh quan

cả con người về những thực thể
tồn tại ngoài con người, chỉ là những
bản sao, những bản chép mà
ngay từ đầu

đã phản ánh đúng một cách chính xác
(theo nghĩa tiếp cận dần dần) đúng cả
cái nguyên mẫu cả nó: thì duy ý
không hề bắt gặp mọi những
huyền thoại là đời nó và do đó bu c

nó phải chỉ chúng một cách triết
đ

ngay từ đ

đ m đ u cho s đ i tho i nghiêm
ch nh mà ch xu t phát t s ngu
đ t, do trình đ th p kém gây ra, tình
tr ãng này có th b sung, kh c ph c
đ c đ n đ n trong quá trình chinh
ph c th gi i c a t p th loài ng i.
Ph n ánh hi n th c trong h c thuy t
c a Angghen vì th ch là vi c tìm
cách linh đ ãng hoá cái kh ãng bi n
ch ãng có s n trong ch th đ thích
ãng v i cái chân lý đã có s n trong
khách quan: đó không phải là hành vi
máy móc, đ n gi n, m t l n là xong,
không mâu thuẫn, không có s n l c
ch quan đ chinh ph c, nh ãng dù

sao đi nữa, xét đến cùng phần ánh
vẫn là phần ánh cho đến c sự ph
t, bị đến vô cùng cái th
th ngoài nó, quy đến nó và mang
ý nghĩa cho nó. Angghen cho rằng
đây hoàn toàn không phải là vấn đề lý
thuyết: th c tiến hành đến c
ng i trong quá trình chinh ph c th
gi i s xác nh n s chính xác c
nh n th c c a con ng i v th gi i.

4. Quan niệm về *th c tiến c a*

Angghen, theo cách lập luận trên đây,
cũng đã đi theo một chi u hướng
riêng biệt của ông. Đó không phải là
c s chung to ra s t ng h p gi a
ý th c xã h i và t n t i xã h i nh

cách đ̣t v̄n đ̄ c̄a Mác mà l̄i đ̄ c̄
hình dung nh̄ hành đ̄ng
đ̄ n sau

đ̄ kī m ch̄ng nh̄ng hình ̄nh mà
con nḡ ̄i đã có v̄ th̄ gī i hīn th̄ c:
đī u đó không khác gì v̄i công vī c
c̄a nh̄ng nhà khoa h̄c t̄ nhiên, sau
khi phác ra nh̄ng gī thuȳt v̄ hīn
th̄ c (ph̄n ánh) đã đem nh̄ng gī
thuȳt ̄y ra kī m ch̄ng trong phòng
thí nghī m. Theo cách trình bày c̄a
Angghen, chúng ta có th̄ hình dung
cuộc s̄ng c̄a con nḡ ̄i không khác
gì m̄t cái phòng thí nghī m kh̄ng l̄,
̄ đó không bīt bao ý t̄ ̄ng đ̄ ̄ c
đem ra th̄ thách, nh̄ng cái sai l̄ m
s̄ b̄ đào th̄ i đ̄ ch̄ gī l̄i nh̄ng
cái có giá tr̄ và đ̄ i nh̄ng cái có giá

trò này thì không có tiêu chuẩn nào để thẩm định ngoài sự thành công trong công nghiệp, trong thực nghiệm, nghĩa là căn cứ vào những gì thuyết phục chúng ta có thể tạo ra hiện tượng và bắt nó phải phục vụ mục đích của chúng ta

[\[23\]](#)

. Quan niệm về mặt thực tế mang tính khoa học thực nghiệm như vậy đã đặt nền tảng trên một sự phát triển liên tục của tư duy con người với tư cách là cái kho tích lũy kiến thức có thể có những khiếm khuyết, sai lầm vì ngu dốt, có thể bổ sung dần dần cho đầy đủ hơn, phong phú, chính xác, phù hợp với hiện thực khách quan hơn, và điểu này thì có thể thực hiện

đồng cơ bản trong học tập đồng khoa
học: quan niệm này đã loại bỏ khỏi bản
thân nó cái nội hàm gì đó như một quan
trọng trong học thuyết của Mác và
những nhận thức

huyền học

đặt nền tảng trên mặt xã hội tha hoá,
đó khoa học hiểu theo nghĩa khoa
học tự nhiên chỉ là khoa học và
những vật thể không có lịch sử,
không có phát triển, còn nếu là khoa
học xã hội thì đó chỉ là một khoa học
chấp nhận tình trạng tha hoá là đồng
nhiên và do đó tính chất huyền diệu vì
tha hoá của một khoa học này cũng là
đồng nhiên. Những khái niệm các
quan trọng trong học thuyết của Mác
nh

lao đả ng tha hoá

,

ý thả c huyả n hoả c

dả đả ng nhả hoàn toàn xa lạ vả i nhả ng suy tả đả ng cả a Ăngghen.

5. Mục đích cả a Angghen khi "phát triển" Mảc chả là đả cả ng cả thêm hả c thuyả t vả lạ ch sả cả a Mảc, bả ng cách đả t hả c thuyả t vả lạ ch sả đả y vào mả t thả vũ trả luả n rả ng lạ n hả n, có nả n móng sâu xa, triả t đả hả n, và do đó tả m thuyả t phả c cũng mang tính "khoa hả c" và "hiả n thả c" hả n, nhả ông đã viả t :

" ... cái đã đúng về i cái gì i t nhiên mà do đó chúng ta coi là m t quá trình phát triển l ch s , thì cũng đúng về i t c các b môn c a l ch s xã hội, và cũng đúng về i toàn b các khoa học nghiên cứu nh ng cái thu c về con người (và thu c về th n thánh)" [\[24\]](#).

Đ làm công việc y, Angghen đã t o ra m t t ng lý luận về vũ trụ học duy vật r i n i liên ch nghĩa Mác c a Mác vào đ y b ng l p luận về s đ ng nh t mang tính uyên nguyên gì a

Vật chất và tinh thần, theo đó

"những quy luật của tư duy và những quy luật của thiên nhiên là nhất trí với nhau một cách tất nhiên" [25].

những cũng chính trong công việc này, ông đã làm cho học thuyết của Mác về mối quan hệ giữa ý thức xã hội và tồn tại xã hội mang một ý nghĩa

hoàn toàn xa rời cái khách
nguyên của nó: trong học
thuyết của Mác, tiến trình xã hội
hoàn toàn là kết quả của con
người, hoàn toàn không phải
là tự nhiên, hơn nữa không hề
là cái tự nhiên có thể dùng
làm hình mẫu để khuôn nên ý
thức. Mâu thuẫn cho rằng *cái
đã đúng với tự nhiên thì cũng
đúng với lịch sử*
, mâu thuẫn này hoàn toàn
không phù hợp với ý tưởng
trung tâm của Mác về sự phát

triển nở của lịch sử con người
xét như những người lịch không
ngừng đi chậm rãi mau
chóng thì họ “tiến sĩ” của
bản thân – trong suốt quá
trình này, những sự kiện do
con người làm ra đã quay lại
thành trở ngại con người. Cái khép
nở liên tục của tự nhiên với lịch
sử, theo cách phát triển của
Angghen là không như quán
với những tiến bộ triết học của
Mác.

6. Sự lý giải của Angghen về mối quan hệ giữa ý thức xã hội với tồn tại xã hội cũng không tránh khỏi sự thiêu u nhọt quán đũa về triết học Mác. Phân biệt sự khác nhau giữa tự nhiên và xã hội, Angghen cho rằng nếu quy luật của tự nhiên hoàn toàn bất biến vô ý thức và mù quáng chi phối thì trong xã hội người ta lại không có gì xảy ra “lại không có ý

đồng nh t giác, không có mục đích mong muốn" [26]. Tuy vậy, theo Angghen thì đồng nh ý đồng nh t giác, có ý thức đó vẫn chỉ là đồng nh c m nh n trước tiếp c a đồng nh cá nhân riêng l

thôi; đồng nh mong muốn y “ít khi nào thức hiện đ c” khi ng i ta sống trong xã hội, và chính trong đồng nh hoạt động này đã hình thành ra cái mà Angghen gọi là đồng nh “h p l c” biểu hiện cho một thức “ý

chỉ trung bình chung”

[27]

, căn cứ vào đó, ông giở đũa nh
vở số tiền tích lũy của một th
đường lối

khách quan, tập thể, để có thể
với ý thức của những cá nhân,
có nguồn gốc sâu thẳm trong
cuộc sống vật chất của xã
hội. Như vậy, chấp nhận sự
phân biệt ý thức cá nhân với ý
thức xã hội như Mác, những
Angghen đã biện luận cái ý thức xã
hội mà Mác coi là cái

t n

t i đ c ý

th c

thành m t th c th không
khác gì v i cái mà nh ng nhà
xã h i h c th c ch ng th ng

g i là

tâm lý qu n chúng

, ho c

tâm lý c ng đ ng

. Trên n n móng c a s t ng
ng gi a ý th c và th c t i nói
trên, Angghen đã đ a ra lu n
đi m g i là s

ph n ánh xét đ n cùng

c a các hình thái ý th c xã
h i đ i v i nh ng ho t đ ng
kinh t , đ c nh giác v i đi u
mà ng i ta th ng g i là ch
nghĩa duy kinh t . Ông cho
r ng, kinh t ch quy t đ nh ý
th c khi ng i ta truy cho đ n
t n cùng cái ngu n g c t o ra
ý th c, ch không ph i lúc
nào kinh t cũng

tr c ti p

quy t đ nh m t cách máy
móc, đ n gi n: trong nh ng

hình thái ý thức, nếu có những cái phản ánh trực tiếp kinh tế (như pháp luật, nhà nước) thì cũng có những cái lòng vòng đi qua rất nhiều trung gian rồi mới tới (như triết học, tôn giáo). Hơn nữa, các hình thái ý thức lại có lịch sử, truyền thống riêng, có tính độc lập tương đối với kinh tế, vì thế không thể lúc nào cũng đem kinh tế ra để giải thích được. Angghen cho rằng xét về mặt pháp lý pháp, những lĩnh vực

nguyên cứu nào càng rộng,
thời gian càng dài thì sự phát
triển của nó càng có điếu kiện
đều tạo ra một đường trung
bình song song với
đường phát triển của kinh tế,
mặc dù trong quá trình phát
triển này, những nguỵ nhiên,
có khi trái ngược là không
tránh khỏi

[\[28\]](#)

. Những cách lý giải trên đây
của Angghen đã muộn biến
chúng hoá hành vi như một

bản ng ph n ánh, nh ng cu i cùng v n không đ a ng i ta đ n g n Mác đ c: m i quan h gi a khách th và ch th trong nh n th c lu n c a ông v n là s quan h c a hai th c th khác nhau, cái này cu i cùng s quy đ nh cái kia ch không ph i m i quan h th ng nh t gi a con ng i v i ý th c c a mình qua trung gian các hình thái lao đ ng th c ti n khác nhau do con ng i làm ra trong quá trình

tôi nên làm gì cho mình.

7. Tuy nhiên những khác biệt giữa Mác và Angghen về triết học như những điểm trên đây đã đóng vai trò quan trọng trong việc phân biệt chủ nghĩa Mác thành các trào lưu khác nhau về sau. Những người trung thành với *chủ nghĩa Mác của Mác* thường đặt triết học của Mác vào truyền thống Hegel, khai thác ý nghĩa cụ thể

cách mạng vô ý thức của ông
đã phê phán mọi biểu hiện h
o trong các h t t ng t
s n. Xu hướng này ban đầu
tuy khi xu hướng t nh ng ng i
mácxít của s n – đ c bi t
v i Georg Lukacs trong cuốn
Lịch sử và Ý thức giai cấp
của ông

[\[29\]](#)

, nhưng vô sau đã lan rộng
sang những triết gia mù n l y
nguồn cảm hứng của Mác đ
nghiên cứu, suy t ng, trong

đó ngườ i ta có

thứ kđ n nhng tác gi nh

J

.

P

.

Sartre

[\[30\]](#)

, Merleau Ponty

[\[31\]](#)

, Lucien Goldman

[\[32\]](#)

v.v... tở o ra m t truy n thng

mácxít thng đ c g i là

"mácxít ph

Trái l

v

h

h

thu ch

trình bày ph

Angghen

[\[33\]](#)

, đ

Angghen, t

ch

d

di

c

h

giới hạn trong vòng tư biện
của những nhà tư tưởng thì xu
hướng thì hai là sự chuyển
lại của những nhà cách mạng
chuyên nghiệp rớt xuống
một thế lý thuyết giới hạn
tuyên truyền và vận động đấu
tranh.

Những cũng chính vì vậy mà
qua sự di chuyển giới của Angghen
và Mác, *chỉ nghĩa Mác của*
Mác đã b

biến đổi dần dần, trong đó "nhân thức luận mácxít", vốn là một vấn đề triết học trừu tượng (trong truyền thống triết học phương Tây nhân văn đề nghị vận dụng các lý thuyết vào siêu hình học) đã biến thành một hệ thống nhân văn luận đi kèm "khoa học", chặt chẽ, chính xác và hiệu dụng không kém gì nhân văn thực khoa học tự nhiên. Tuy nhiên đó không phải là nhân văn khoa học cụ thể nào đó mà là một

thực tiễn quan khoa học
có tham vọng bao trùm lên và
nhất thể hoá mọi lĩnh vực của
đời sống, chi phối và định
hướng cho mọi hoạt động tinh
thần, thay thế cho triết học
liệt vào loại siêu hình tư bản,
và đặc biệt nhất là đưa những
sinh hoạt tôn giáo vào lĩnh
vực của những mê tín, ngu
dân. Khác với sự thách thức
của tính chân thực triết học
đời với thực tiễn trong học
thuyết Mác, sự thách thức của

những ý tưởng của Angghen đã trở thành sự thách thức của “thực tiễn quan khoa học”: sự thách thức này đòi hỏi hiểu biết, những cũng vì đó đã làm cho những ý tưởng của Mác trở nên tầm thường đi rồi hiểu.

Sự đóng góp của Lênin và phản ánh luận xã hội

1. Trong những thực luận, cũng như trong vấn đề triết học Mác nói chung, Lênin đã theo truyền thống của những mácxít Nga (khả dĩ đầu tiên Plékhanov) tiếp nhận chính nghĩa Mác qua sự di chuyển từ của Angghen là chính yếu. Điều này biểu hiện rõ nhất trong cuốn *Chống nghĩa duy vật và chống nghĩa kinh nghiệm phê phán* của ông (1908) (cuốn này viết sau đó bổ sung thêm – đúng hơn là

đồng chí đi u ch nh – b ng cu n

Bút ký triết học

(1914-1915) cho đồng máy móc,

đồng gi n)

[\[34\]](#)

, trong đó Lênin h u nh đã

đồng toàn b th i gian l p l i t

t ng c a Angghen (tên c a

Mác có đồng c nói đồng thì ch

v i t cách là ng i đồng c

Angghen gi i thích m t cách

đúng đồng, đáng tin c y).

Chính vì th mà theo s đánh

giá c a ph n đông nh ng nhà

ngiêu c  u th  gi  tr  tri  t h  c
trong nh ng t c ph m n y
c a L nin, m c d  đ  c
nh ng nh  l  lu n x  vi  t t ng
b c qu  đ ng

[\[35\]](#)

, th  t s  ch ng c  gi  l  đ ng
k 

[\[36\]](#)

: t  trong s  đ o t o v  t  duy
c a m nh, L nin v n ch  l 
m t tri  t gi  t i t  – b n ch  t
đ ch th c c a  ng l  m t
ng i l m ch nh tr  b m sinh,

vì thế, nếu ông có đủ điều kiện
trí tuệ thì chắc chắn mục đích
chính trị hoá trí tuệ
thôi. Có lẽ đây mới thực sự là
đóng góp có ý nghĩa của ông
cho nền “trí tuệ xã hội” và
tốt hơn nữa nền trí tuệ của
những đảng cộng sản để
công nhân lãnh đạo xã hội
theo con đường mácxít xã hội.

2. Chúng ta chỉ nghĩ duy
tâm, chúng ta chỉ nghĩ thay tu,

chỉ nghĩ mßi thß triết hßc lßy
ngußn cßm hßng tß Kant, đó
là đißu mà Angghen đã làm
rßi và tßt cß nhßng công vißc
lßy, trong cuốn *Chỉ nghĩa duy
vßt và chỉ nghĩa kinh nghißm
phê phán* của
mình, Lênin chỉ lßp lßi
nguyên vßn vßi mßc đích rßt
rß rßt: không chỉ nghĩ chỉ nghĩa
duy tâm, chỉ nghĩa thßy tu,
chỉ nghĩa "bßt khß triết" mßt
cách nói chung mà là chỉ nghĩ
tßt cß nhßng thß này mßt cách

thi t th c, c th ,
trong hàng ngũ đ ng
tr c nh t. Nh ng ai quen bi t
v i t t ng c a Lênin đ u
hi u r ng đ u này là hoàn
toàn nh t quán v i cái ý đ nh
n n t ng c a ông: xây đ ng
nên m t đ ng ki u m i, bao
g m nh ng ng i cách m ng
nhà ngh , dân ch trong th o
lu n, nh ng sau đó thì ph i
t p trung quy n l c m t cách
tuy t đ i vào s lãnh đ o c a
trung i ng, không ch p nh n

bộ t của m t th ch nghĩa bi t
phái nào trong đ ng, b t c
trên ph ng di n nào, trong t
ch c l n trong t t ng

[\[37\]](#)

. L p lu n của Lênin v v n
đ này là: đ ng c ng s n là
m t đ ng

cách m ng

, m c đích tr c m t c a nó là
t p trung t t c s c m nh đ
c p chính quy n,

đ ng y hoàn toàn khác v i
nh ng đ ng ngh tr ng

trong chđ tđ bđ n vì thđ
nhđ ng thđ thđ o luđ n linh tinh
vđ tđ tđ đ ng nhđ kiđ u nhđ ng
câu lđ c bđ là không chđ p
nhđ n đđ đ c. Vđ y mà cái cđ nh
tđ đ ng linh tinh vđ tđ tđ đ ng
trong đđ ng lđ i đđ xđ y ra vào
lúc bđ y giđ (sau thđ t bđ i cđ a
cách mđ ng 1905): mđ t sđ
nhđ ng nhà tđ tđ đ ng đđ ng viên
nhđ Bogdanov, Basarov,
Lounatcharski... đđ liên kđ t
vđ i nhđ ng phđ n tđ trí thđ c
ngoài đđ ng, tiđ p nhđ n thđ triđ t

học của những tác giả như Mach, Avenarius – những người đi xuýt mọt triết học mà nh danh là "chức nghĩa kinh nghiệm phê phán" mà theo Lênin thì đó ch là mọt triết học chức nghĩa duy tâm trá hình – đi gọi là "bổ sung" cho chức nghĩa Mác, hoặc tỏ ra mọt triết học chức nghĩa Mác đi c biệt cho phong trào cách mạng vô sản ở Nga. Tình hình này đi với Lênin là không thể chấp nhận đi c, nó làm

lên lên mặt thế, có nguy cơ
mất đường cho những xu
hướng phi vô sản xâm nhập
vào đường, vì thế sau khi ra
lên cho mặt sản nhà tư tưởng
của đường lên thế, Lênin
nhận thấy cần thiết phải
mình lao vào cuộc chiến đấu
sinh thế này. Thế cho thế của cái
mà người ta thế thế người là
phần ánh lên lên
chỉ có ý nghĩa là
*cuộc thanh trừng và thế thế
trong nội bộ đường*

và chỉ có ý nghĩa như vậy mà thôi.

3. Để tạo nên những điều có thể giúp cho ý định của mình phát triển được dần, Lênin đã bám sát khái niệm *hai phe trong triết học* của Angghen và để ý đến tên cùng cái họ của nó trong tranh luận: vì bất cứ những gì dính dáng đến khoa học xã hội hiện nay đều có

tính đ

cho nên nh

th c lu

thoát kh i tính đ

. Đ

y, Lênin đã bi

trong nh

mình thành nh

đóng sâu vào g

"...không m

c ai trong nh

t c là nh

năng lực tác phẩm học thuật có giá trị trong các lĩnh vực chuyên môn như hoá học, sinh học (?) và vật lý học, tôi có thể tin tưởng khi họ nói về vấn đề triết học", bởi vì nói chung "các giáo sư môn kinh tế đều chưa là những học giả làm thuê cho giai cấp tư bản, còn các giáo sư triết học đều chưa là bọn học giả làm thuê cho phái thiên học thôi"

[\[38\]](#)

.

Còn ghi nhận rằng đó là
một thể lôgic khách quan,
đúng nên nhiên đúng c xem là
chân lý, cho nên nó không
dính dáng gì đến những
ganh ghét đúng kể mang tính
tạm thời đúng: dù ý đúng nh c a
anh có là thể nào đi nữa,
dù anh có là đúng chí
Bogdanov hay gì gì đi nữa,
thì

khách quan

mà nói, nếu anh không
thả anh nhàn vật chất có trớ trêu
tinh thần có sau và tinh
thần chớ là hình ảnh của
vật chất trên thế khách quan
ngoài ý thức con người –
thí dụ như vậy –, vật chất
trở thành, anh cũng đứng về
phía kẻ thù của giai cấp vô
sản, nghĩa là đứng vào
hàng ngũ của những kẻ
tổ chức, thực sự. Và nếu anh

lời cho rằng mình chỉ
muốn đứng lên trên mặt
trường phái, đi tìm con
đường dung hoà thì sự tình
lời càng tồi tệ hơn nhiều
lần – tất cả những bản
đăng gia trong triết học
đều chỉ là một thứ gì đó
"sến sẹt" thật đáng khinh
bài !

[\[39\]](#)

. Truy cập thông tin coi những
nguồn để đăng gia còn nguy

hiện hành của kẻ thù, trong
những cuộc đấu tranh
từng ngày của các đồng chí
số n, đích thực đã